

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2020/DS-PT
Ngày 28-12-2020
V/v tranh chấp giao dịch
dân sự về hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán:

Ông Đào Minh Đa

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 343/2020/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 1087/10A, khu phố Đ, phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 15A, khu phố 2, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 13/5/2020).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 130, khu phố Tây A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 154/30, khu phố Đ, phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Thị Kim L3 (tên gọi khác: E), sinh năm 1967; địa chỉ: Số 82B/21, khu phố N 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Đặng Thị Ngọc Đ (tên gọi khác Chị R), sinh năm 1955; địa chỉ: Số 955A/16, khu phố B 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Bá Q, sinh 1976; địa chỉ: Số 82B/21, khu phố N 1, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 83B/21, khu phố N 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phan Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, bà Nguyễn Thị Mỹ L tham gia chơi 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L3 (tên gọi khác: E) làm chủ hụi. Trong 03 dây hụi đều có 15 người chơi, mỗi dây 21 phần, một phần đóng 20.000.000đ/tháng. Bà Nguyễn Thị Mỹ L tham gia 03 dây, mỗi dây 01 phần. Theo thỏa thuận, 03 dây hụi khai cùng ngày, mỗi tháng khai 01 lần, thành viên bỏ lãi cao thì được lĩnh hụi, chủ hụi được hưởng hoa hồng 10.000.000đ/01 dây hụi, người lĩnh hụi sẽ có trách nhiệm thanh toán hoa hồng cho chủ hụi. Bà Nguyễn Thị Kim L3 vừa là chủ hụi vừa là thành viên tham gia chơi hụi.

Ba dây hụi, được khai làm 03 kỳ, cụ thể:

- Kỳ 1: Khai ngày 15/6/2017, bỏ lãi 3.000.000 đồng/phần. Dây 1: Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Nguyễn Thị Kim L3 (E) hốt số tiền 306.000.000 đồng. Dây 2: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Võ Văn N hốt số tiền 323.000.000 đồng, cần trừ hụi ông N phải đóng, số tiền ông hốt thực tế là 238.000.000 đồng. Dây 3: Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Đặng Thị Ngọc Đ (R) hốt số tiền 323.000.000 đồng.

- Kỳ 2: Khai ngày 14/7/2017, bỏ lãi 5.200.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng cho 3 dây. Ông Võ Văn N hốt hết 03 dây, số tiền 854.000.000 đồng.

- Kỳ 3: Khai ngày 18/8/2017, bỏ lãi 4.500.000 đồng/phần. Dây 1 và dây 2: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Phan Văn B hốt 02 dây với tổng số tiền: 638.000.000 đồng. Dây 3: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Nguyễn Bá Q hốt số tiền 319.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông N lĩnh là 1.092.000.000 đồng, có số tiền bà L đóng và hưởng lãi của hụi là 80.000.000 đồng; số tiền bà Đ (Hai Râu) lĩnh là 323.000.000 đồng, có tiền của bà L đóng và hưởng lãi của hụi là 20.000.000 đồng; số tiền bà L3 lĩnh hụi là 306.000.000 đồng, có số tiền của bà L đóng và hưởng lãi của hụi là 20.000.000 đồng; số tiền ông B lĩnh là 638.000.000 đồng, có số tiền bà L đóng và hưởng lãi của hụi là 40.000.000 đồng; số tiền ông Q lĩnh là 319.000.000 đồng, trong đó có tiền của bà L đóng và hưởng lãi của hụi là 20.000.000 đồng.

Sau khi các bị đơn lĩnh hụi thì không đóng tiếp nữa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Từ tháng 9/2017, các dây hụi không hoạt động nữa. Năm 2018, ông N đã trả cho bà L 45.119.496 đồng, còn nợ lại 34.880.504 đồng; bà Đ (R) trả 6.777.021 đồng, còn nợ lại 13.222.979 đồng; bà Nguyễn Thị Kim L3 (E) trả 6.777.021

đồng, còn nợ lại 13.222.979 đồng; ông Q trả 6.777.021 đồng, còn nợ lại 13.222.979 đồng; ông B trả 33.232.177 đồng, còn nợ lại 6.767.823 đồng;

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Võ Văn N hoàn trả số tiền 34.880.504 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 9.436.737 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm, tổng cộng 44.317.241 đồng;

2. Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai Râu) hoàn trả số tiền 13.222.979 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 3.577.407 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm, tổng cộng 16.800.387 đồng;

3. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L3 (E) hoàn trả số tiền 13.222.979 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 3.577.407 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm, tổng cộng 16.800.387 đồng;

4. Buộc ông Phan Văn B hoàn trả số tiền 6.767.823 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.830.999 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm, tổng cộng 8.598.822 đồng;

5. Buộc ông Nguyễn Bá Q hoàn trả số tiền 13.222.979 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 3.577.407 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm, tổng cộng 16.800.387 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời xác định các yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 34.880.504 đồng nợ hui.
- Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai Râu) hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui.
- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L3 (E) hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui.
- Buộc ông Nguyễn Bá Q hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui.
- Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 6.767.823 đồng nợ hui.

Bị đơn ông Võ Văn N trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tiền bồi thường (với mức lãi suất 10%/năm) là 9.436.737 đồng. Ông đồng ý trả số tiền gốc cho bà L là 34.880.504 đồng, tuy nhiên ông cũng là nạn nhân trong vụ án lừa đảo của bà Nguyễn Thị Kim N, vụ án hiện nay đang được cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Dương giải quyết nên ông không có tiền để thanh toán ngay cho nguyên đơn và đề nghị khi nào Tòa án tỉnh giải quyết vụ án lừa đảo của bà Ngọc thì ông sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Phan Văn B trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn về việc chơi hội, lãnh hội nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tiền bồi thường là 1.830.999 đồng, ông không đồng ý trả số tiền gốc cho bà L theo như đơn khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền tương ứng với số tiền ông đã nhận của bà L là 31.000.000 đồng (ông hốt 2 dây, mỗi dây bỏ lãi 4.500.000 đồng, hội sống đóng 15.500.000 đồng) chứ không đồng ý trả với số tiền 20.000.000 đồng/1 phần hội. Bản thân ông cũng là nạn nhân trong vụ án lừa đảo của bà Nguyễn Thị Kim N, vụ án hiện nay đang được cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Dương giải quyết nên ông không có tiền để thanh toán ngay cho nguyên đơn, ông đề nghị khi nào Tòa án tỉnh giải quyết vụ án lừa đảo của bà Ngọc bà Ngọc phải thi hành án tiền trả cho ông thì ông sẽ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ trình bày:

Năm 2017 bà có tham gia chơi 01 một phần của 01 dây hội trong số 03 dây hội bà Nguyễn Thị Kim N (N) làm chủ hội. Các thành viên thỏa thuận để bà Nguyễn Thị Kim L3 (E) làm chủ hội nhưng thực chất là điều hành hay thu hội đều do bà N đứng ra tổ chức và nhận tiền của các hội viên, bà Đ chỉ hốt hội với số tiền 306.000.000 đồng, đóng số tiền hoa hồng cho bà E 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 296.000.000 đồng, bà đóng thêm 4.000.000 đồng là đủ 300.000.000 đồng để bà N nộp mua cổ phần cho bà. Thực tế bà không được nhận tiền, toàn bộ là do bà N làm cho bà. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà hoàn trả số tiền nợ hội 13.222.979 đồng bà không đồng ý. Bà N là người nhận số tiền đó và dùng để mua cổ phần của FPT, nên bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền hội trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L3 trình bày:

Bà là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Kim N (N), mọi người thường gọi bà là E. Năm 2017, bà Ngọc nói bà làm chủ hội và rủ bà cùng tham gia chơi hội nhưng việc làm chủ hội của bà chỉ là hình thức mọi hoạt động và gây dựng thành viên chơi hội đều do bà N thực hiện. Hàng tháng đến kỳ khai hội các hội viên đóng tiền cho bà xong bà đều chuyển lại cho thành viên hốt hội. Bà có tham gia 01 phần hội của 01 trong 03 dây hội và tiền chơi hội của bà là do bà N đóng, bà N cũng là người hốt hội của bà, bà không biết bà thực nhận là bao nhiêu. Bà xác định phần hội của bà do bà Nguyễn Thị Kim N (N) hốt nên bà N phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền hội trên.

Bị đơn ông Nguyễn Bá Q trình bày:

Tháng 6/2017 bà Ngọc và bạn bè của bà Nguyễn Thị Kim N mua cổ phần FPT, ông không có tiền mua cổ phần, bà Ngọc muốn giúp đỡ ông có thêm thu nhập nên đã ghi tên ông tham chơi một phần hội để mua cổ phần FPT. Bà Ngọc đã bỏ tiền ra mua cổ phần FPT cho ông. Tháng 8/2017, bà Ngọc hốt hội mang tên ông. Từ việc chơi hội và mua cổ phần đều do bà Ngọc sắp xếp cho ông, ông biết bà L nhưng không tiếp xúc, không có bất cứ thỏa thuận nào và cũng không ký nhận tiền gì từ bà L. Vì vậy, bà L yêu cầu ông phải trả tiền hội ông không đồng ý vì ông không hốt hội mà do bà Kim Ngọc hốt nên bà Kim Ngọc phải có trách nhiệm trả tiền hội cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị Kim L3 và ông Q, còn ông N, bà L, và ông B là người quen biết cùng tham gia chơi hụi.

Khoảng tháng 6/2017, bà có tham gia chơi 03 dây hụi, lúc đầu các thành viên trong dây hụi đề cử bà là chủ hụi nhưng bà không làm mà để cho bà L3 làm chủ hụi vì hoàn cảnh của bà L3 khó khăn, mọi người thống nhất chi tiền hoa hồng cho bà L3 để giúp đỡ bà L3. Tiền hoa hồng là 10.000.000đ/01 lần lĩnh hụi. Trong 03 dây hụi, bà tham gia 07 phần, mỗi phần 20.000.000đ và bà chưa lĩnh phần hụi nào. Ông N đã lĩnh 04 phần, ông B lĩnh hết 02 phần. Số tiền lĩnh hụi của ông N và ông B đã đưa cho bà để bà mua cổ phần FPT. Bà L3, ông Q, bà Đ có tham gia chơi hụi và cũng mua cổ phần FPT, do trước đó bà cho bà L3, ông Q, bà Đ vay tiền để mua cổ phần FPT nên phần hụi của bà L3, ông Q, bà Đ là do bà lĩnh để cần trừ vào khoản nợ vay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đồng ý, bà yêu cầu ông B, ông N có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Phần trách nhiệm của bà L3, ông Q, bà Đ thì sẽ có trách nhiệm trả thay cho họ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn ông Võ Văn N bồi thường số tiền là 9.436.737 (chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng; bà Đặng Thị Ngọc Đ bồi thường số tiền là 3.577.407 (ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy) đồng; bà Nguyễn Thị Kim L3 bồi thường số tiền 3.577.407 (ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy) đồng; ông Nguyễn Bá Q bồi thường số tiền 3.577.407 (ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy) đồng; ông Phan Văn B bồi thường số tiền 1.830.999 (một triệu tám trăm ba mươi nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với bị đơn ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ, ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị Kim L3 và ông Nguyễn Bá Q về tranh chấp hụi.

- Buộc bị đơn ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hụi còn nợ là 34.880.504 (ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn năm trăm linh bốn) đồng.

- Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hụi còn nợ là 13.222.979 (mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L3 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hụi còn nợ là 13.222.979 (mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng.

- Buộc ông Nguyễn Bá Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hụi còn nợ là 13.222.979 (mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng.

- Buộc ông Phan Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hụi còn nợ là 6.767.823 (sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi ba) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi có án sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi hui của nguyên đơn; ông B chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu L1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Phan Văn B. Bị đơn ông Phan Văn B đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Phan Văn B, được bị đơn ông Phan Văn B đồng ý và bị đơn ông Phan Văn B rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, các bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ, ông Nguyễn Bá Q và bà Nguyễn Thị Kim L3 không kháng cáo bản án sơ thẩm. Bị đơn ông Võ Văn N có đơn kháng cáo nhưng không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ, ông Nguyễn Bá Q và bà Nguyễn Thị Kim L3 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện và lời khai của các bên đương sự đều thể hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Phan Văn B và một số người khác là thành viên trong các dây hui do bà Nguyễn Thị Kim L3 (hay gọi là E) làm chủ hui, mỗi kỳ góp hui, giao tiền hui thì chủ hui được hưởng tiền hoa hồng. Do đó, nếu không có thỏa thuận khác bà Nguyễn Thị Mỹ L (hui viên) không có quyền khởi kiện ông Phan Văn B (hui viên) để đòi tiền nợ hui khi dây hui bị chấm dứt hoạt động; trong trường hợp này trách nhiệm với các hui viên là chủ hui. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có thỏa thuận nào khác giữa bà L và ông B, bà L có quyền khởi kiện ông B hay không mà thụ lý yêu cầu khởi kiện giữa bà L và ông B là chưa đúng bản chất của giao dịch dân sự về hui. Tuy nhiên, tại phiên tòa

phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Phan Văn B, được bị đơn ông Phan Văn B đồng ý và ông B tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Phan Văn B và việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B là hoàn toàn tự nguyện; không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án nên được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là bị đơn ông Phan Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 148, 289, 308, 310 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với bị đơn ông Phan Văn B về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về hội”.

2. Chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B.

3. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương về việc tranh chấp giao dịch dân sự về hội giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L với bị đơn ông Phan Văn B và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 391/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về hội”.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn B phải chịu 338.391 đồng (ba trăm ba mươi tám nghìn ba trăm chín mươi một) đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L được miễn án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0048596 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương. Trả cho ông Phan Văn B 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

6. Những phần Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương có liên quan đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn N, ông Nguyễn Bá Q, bà Đặng Thị Ngọc Đ, bà

Nguyễn Thị Kim L3 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố A;
- TAND thành phố A;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thanh Trúc